

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15 /2014/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 13 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó
sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 15
	Ngày: 16/5

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ về Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 228/TTr-STNMT ngày 07 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng

Ban Chỉ huy Ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- UBQG Tìm kiếm cứu nạn;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Trung tâm UPSCTD KV miền Nam;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCTUBND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT. BCH UPSCTD tỉnh;
- TT. BCH PCLB&TKCN tỉnh;
- Báo Bình Thuận, Đài PTTH Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTN (Vu 50b).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

[Signature]
Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

**Lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận**
(ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển tỉnh Bình Thuận; bao gồm các cảng, cơ sở, dự án (sau đây gọi chung là cơ sở).

Chương II

**THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT
KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn tỉnh đối với các trường hợp sau:

1. Các cơ sở tại địa phương có hoạt động về khai thác, kinh doanh, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu trên đất liền và vùng biển trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy định này.

2. Các cơ sở dầu khí ngoài khơi có nguy cơ ảnh hưởng đến vùng biển tỉnh Bình Thuận nếu xảy ra sự cố tại cơ sở, khi xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải xin ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận trước khi trình Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thẩm định và trình Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở hoạt động trên địa bàn huyện đối với các cơ sở kinh doanh xăng, dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền (dưới 20 tấn).

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Chương III

TRÌNH TỰ HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 5. Thời điểm lập, trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lập trước khi triển khai dự án, đồng thời với thủ tục đánh giá tác động môi trường. Chủ dự án trình nộp Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này để thẩm định và phê duyệt.

2. Các cơ sở quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 3 và Khoản 1 Điều 4 Quy định này đã hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực, sau thời gian tối đa 01 năm (kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực), phải xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở đã phê duyệt phải được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi lớn về rủi ro gây tràn dầu hoặc tổ chức nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu.

Điều 6. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền của chủ cơ sở (có bản chính giấy ủy quyền) quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này tự lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở mình hoặc thuê đơn vị tư vấn lập và nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu phụ lục 01);

- 10 (mười) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu phụ lục 03);

- Hồ sơ năng lực và danh mục trang thiết bị thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính). Trường hợp không có đủ trang thiết bị thì phải có hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo hồ sơ năng lực của đơn vị đó (bản sao công chứng/chứng thực);

- Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/chứng thực);

- Quyết định thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị kèm theo danh sách của tổ (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu (bản sao công chứng/chứng thực);

- 01 (một) bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ đề án bảo vệ môi trường hoặc Thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực).

Điều 7. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành rà soát thành phần hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ thì có ý kiến và hướng dẫn cho cơ sở ngay khi tiếp nhận hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ thì viết phiếu tiếp nhận cho cơ sở và chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn (Chi cục Biển và Hải đảo) ngay

trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Gồm các công đoạn sau:

- Trong thời gian 28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thực hiện các bước sau:

Bước 1. Tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể tiến hành các hoạt động điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kề cận. Kết quả điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu sẽ quyết định việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hay đề nghị chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ trước khi tổ chức họp Hội đồng.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì chuyển sang Bước 2.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua, không chỉnh sửa thì chuyển sang Bước 3.

Bước 2. Tham mưu ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến Hội đồng thẩm định.

Bước 3. Dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình ký của Sở Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch và chuyển cho cơ quan tham mưu trình ký chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc từ khi nhận Quyết định phê duyệt Kế hoạch, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển hồ sơ và Quyết định về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn của Sở lưu hồ sơ, đồng thời chuyển Quyết định đã ký cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả cho chủ cơ sở.

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Điều 8. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền của chủ cơ sở (có bản chính giấy ủy quyền) quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Quy định này tự lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở mình hoặc thuê đơn vị tư vấn lập và nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu phụ lục 02);

- 07 (bảy) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu phụ lục 04);

- Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/ giấy đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/ chứng thực);

- 01 (một) bản sao Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường/ đề án bảo vệ môi trường hoặc Thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đã đi vào hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực).

Điều 9. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp nhận và tiến hành rà soát thành phần hồ sơ. Trường hợp thành phần hồ sơ chưa đầy đủ thì có ý kiến và hướng dẫn cho cơ sở ngay khi tiếp nhận hồ sơ; trường hợp thành phần hồ sơ đầy đủ thì viết phiếu tiếp nhận cho cơ sở và

chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn (Phòng Tài nguyên và Môi trường) ngay trong ngày làm việc, trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì chuyển ngay trong ngày làm việc tiếp theo.

2. Cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 18 (mười tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Gồm các công đoạn sau:

- Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thực hiện các bước sau:

Bước 1. Tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể tiến hành các hoạt động điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận. Kết quả điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu sẽ quyết định việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hay đề nghị chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ trước khi tổ chức họp Hội đồng.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì chuyển sang Bước 2.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua, không chỉnh sửa thì chuyển sang Bước 3.

Bước 2. Tham mưu ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến Hội đồng thẩm định.

Bước 3. Dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình ký của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch và chuyển trả hồ sơ cho bộ phận trình ký (để lưu hồ sơ), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (để trả cho chủ cơ sở).

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

Điều 10. Quy định đối với các cơ sở dầu khí ngoài khơi.

Đối với các cơ sở dầu khí ngoài khơi quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này khi xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, chủ cơ sở gửi văn bản đề nghị kèm dự thảo Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Thuận.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Thuận chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản có ý kiến đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở, dự án.

Thời hạn để Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến đối với Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở dầu khí ngoài khơi không vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ khi Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đầy đủ từ chủ cơ sở, dự án.

Điều 11. Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp huyện.

2. Thành phần khung của Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

a) Hội đồng cấp tỉnh:

Thành phần Hội đồng thẩm định gồm:

- Chủ tịch Hội đồng:

+ Đại diện lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trường hợp cần thiết có thể thêm 01 Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phân việc liên quan.

- Các thành viên:

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Biển và Hải đảo - Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện các Sở: Công thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận;

+ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động;

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Cảnh sát Phòng chống Tội phạm về môi trường - Công an tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam.

- Thư ký Hội đồng: Chuyên viên Chi cục Biển và Hải đảo.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn.

b) Hội đồng cấp huyện:

Thành phần Hội đồng thẩm định, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng:

+ Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

+ Trường hợp cần thiết có thể thêm 01 Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan.

- Các thành viên:

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện;

+ Đại diện Công an cấp huyện;

+ Đại diện các phòng, ban liên quan: Kinh tế - Hạ tầng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Kinh tế);

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã nơi cơ sở hoạt động;

+ Đại diện Thường trực Ban Chỉ huy ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh Bình Thuận;

- Thư ký Hội đồng: Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn.

Điều 12. Cuộc họp của Hội đồng thẩm định

1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tổ chức cuộc họp thẩm định. Cuộc họp thẩm định chỉ được tiến hành trong trường hợp có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên. Trường hợp thành viên Hội đồng không thể tham gia cuộc họp thẩm định nhưng có ý kiến của mình bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng trước khi cuộc họp bắt đầu thì được tính có mặt tham dự.

2. Tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu gửi đến các thành viên Hội đồng chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc, trước ngày tổ chức cuộc họp.

3. Thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận về nội dung của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và những vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Chủ tịch Hội đồng kết luận nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đạt hoặc chưa đạt yêu cầu trên cơ sở ý kiến của 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng có mặt đồng ý.

4. Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

Điều 13. Nội dung cơ bản của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu các cơ sở cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về nội dung như sau:

- Miêu tả thông tin chung về cơ sở và những hoạt động liên quan tới dầu;
- Đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn;
- Đánh giá khả năng tác động và phạm vi ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu. Xây dựng tình huống điển hình: tình huống lượng dầu tràn lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất;
- Các biện pháp đang áp dụng nhằm hạn chế rủi ro dầu tràn. Đánh giá rủi ro còn lại;
- Khả năng ứng phó tại chỗ: lực lượng, thiết bị, hiệp đồng tác chiến với các đơn vị gần đó hoặc hợp đồng thuê dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu;

- Trình độ tổ chức ứng phó: huy động lực lượng, đầu mối tổ chức;
- Kế hoạch diễn tập hàng năm.

Đối với các cơ sở đóng trên địa bàn các huyện ven biển, các nội dung nêu trên của Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở phải phù hợp với Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh đã được Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 06 tháng 01 năm 2011 và Bản đồ nhạy cảm đường bờ phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ven biển tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2661/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2013.

2. Đề cương Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu theo Phụ lục 3 và Phụ lục 4 của Quy định này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI SỰ CỐ TRÀN DẦU

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh:

- Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở theo Quy định này, đồng thời phù hợp với Kế hoạch Ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh đã được Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-UB và Bản đồ nhạy cảm đường bờ phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu khu vực ven biển tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2661/QĐ-UBND;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành liên quan, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở dầu khí ngoài khơi được quy định tại Khoản 2 Điều 3 và Điều 10 của Quy định này; hướng dẫn và tham gia thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và xử lý, hoặc đề nghị xử lý đối với các cơ sở vi phạm Quy định này theo quy định.

2. Định kỳ 01 năm ít nhất 01 lần tổ chức đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ ứng phó sự cố tràn dầu cho các lực lượng chuyên trách nòng cốt, bán chuyên trách, kiêm nhiệm ở cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ sở; tổ chức diễn tập, hiệp đồng, phối hợp các lực lượng; tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để chủ động phòng tránh, ứng phó.

3. Điều tra, xác minh sự cố tràn dầu khi có đề nghị của các sở, ngành, địa phương, chủ cơ sở hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan nhà nước có liên quan về những biện pháp ngăn ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do sự cố tràn dầu xảy ra.

4. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại về môi trường, xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi môi trường do dầu tràn.

5. Định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu của địa phương và báo cáo đột xuất khi có tình huống sự cố tràn dầu.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ngành liên quan

1. Triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý.

2. Tham gia Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở theo phân cấp tại Quy định này; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa khả năng xảy ra sự cố tràn dầu.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu quy định theo Khoản 1 Điều 4 trên địa bàn theo quy định; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở tại địa phương.

2. Trực tiếp chỉ đạo, tổ chức việc ứng phó và báo cáo kịp thời sự cố tràn dầu khi xảy ra trên địa bàn quản lý; chủ trì đánh giá, xác định thiệt hại, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, yêu cầu chủ cơ sở gây ra tại địa phương bồi thường thiệt hại.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, phổ biến kiến thức về nguy cơ, hiểm họa của sự cố tràn dầu để bảo vệ môi trường biển chủ động phòng tránh và kịp thời ứng phó tại địa phương.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quy định này của địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

Điều 17. Trách nhiệm của cơ sở

1. Cơ sở phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả sau khi được phê duyệt; sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Hàng năm phải có kế hoạch tổ chức tập huấn hoặc cử cán bộ, nhân viên trực tiếp tham gia ứng phó đi tập huấn để nâng cao kỹ năng ứng phó. Định kỳ tối thiểu 6 tháng một lần phải triển khai thực hành huấn luyện ứng phó sự cố tràn dầu tại hiện trường.

3. Có phương án đầu tư trang thiết bị, vật tư để từng bước nâng cao năng lực tự ứng phó của cơ sở theo quy định; trong trường hợp cơ sở chưa đủ khả năng tự ứng phó, phải ký kết thỏa thuận, hợp đồng sẵn sàng ứng phó sự cố tràn dầu với các cơ quan, đơn vị thích hợp để triển khai khi có tình huống.

4. Chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, huy động nguồn lực ứng phó kịp thời, hiệu quả khi xảy ra sự cố tràn dầu.

5. Phải có cam kết bảo đảm tài chính để bồi thường mọi thiệt hại đối với ô nhiễm dầu do cơ sở gây ra. Cam kết bảo đảm tài chính phải thể hiện trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư, xây dựng như thay đổi quy mô đầu tư, thay đổi thiết kế dẫn đến thay đổi nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được phê duyệt, chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan đã phê duyệt Kế hoạch và chỉ được thực hiện những thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

7. Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu phải được lưu trữ tại cơ sở.

8. Kịp thời báo cáo sự cố tràn dầu xảy ra; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo tình hình, kết quả thực hiện, cập nhật các nội dung trong Kế hoạch ứng

phó sự cố tràn dầu lồng ghép vào nội dung báo cáo giám sát môi trường định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Quy định này trên địa bàn tỉnh. Hàng năm tổng hợp tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lê Tiến Phương

PHỤ LỤC 1

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(1)

Số: ...

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt kế
hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
của (2)

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chúng tôi là: (1), chủ cơ sở (2)

- Địa điểm cơ sở: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường hồ sơ gồm:

(Thành phần hồ sơ và số lượng từng loại)

-
-
-
-

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

(3)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chủ cơ sở;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở;
- (3) Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở.

PHỤ LỤC 2

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(1) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

.....
(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

V/v đề nghị phê duyệt kế
hoạch ứng phó sự cố tràn dầu
của (2)

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố.....(3)

Chúng tôi là: (1), chủ cơ sở (2)

- Địa điểm cơ sở: ...;
- Địa chỉ liên hệ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...; E-mail: ...

Xin gửi đến (3) hồ sơ gồm:

(Thành phần hồ sơ và số lượng từng loại)

-
-
-
-

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị (3) thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

(4)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Chủ cơ sở;
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở;
- (3) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở;
- (4) Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ sở.

PHỤ LỤC 3

ĐỀ CƯƠNG
KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ
(Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh)

1. MẪU BÌA VÀ TRANG PHỤ BÌA

(Tên cơ quan chủ quản)

(Chủ cơ sở)

KẾ HOẠCH
ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU
của (1)

CHỦ CƠ SỞ (*)

(Đại diện có thẩm quyền của chủ cơ
sở ký, ghi họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có) (*)

(Đại diện có thẩm quyền của đơn vị
ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng... năm ...

Ghi chú:

(1): Tên đầy đủ, chính xác của cơ sở,;

(*): Chỉ thể hiện ở trang phụ bì.

2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CỦA CƠ SỞ

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH, PHẠM VI, CƠ SỞ PHÁP LÝ

- 1.1. Mục đích, phạm vi Kế hoạch**
- 1.2. Cơ sở pháp lý**

CHƯƠNG II

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ

- 2.1 Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội**
 - 2.1.1 Đặc điểm điều kiện tự nhiên**
 - 2.1.2 Đặc điểm điều kiện kinh tế - xã hội**
- 2.2 Hoạt động của cơ sở**

Thông tin chung về cơ sở ((chủ cơ sở, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ cơ sở; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở; vị trí địa lý cơ sở, đối tượng xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra) (*có bản đồ khu vực, tỷ lệ 1:500*))

- 2.2.1 Thông tin về hoạt động sản xuất**
- 2.2.2 Công trình liên quan hoạt động dầu khí, tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo**
- 2.2.3 Hoạt động giao thông thủy, khai thác nước mặt của cơ sở**
- 2.2.4 Hoạt động lưu giữ, bốc dỡ hàng hóa dầu thô, sản phẩm dầu mỏ.**
- 2.3 Các khu vực ưu tiên bảo vệ**

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN GÂY RA SỰ CỐ TRÀN DẦU

- 3.1 Nguồn tiềm ẩn gây sự cố tràn dầu (nêu các hoạt động của cơ sở liên quan tới dầu, từ đó đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn).**
- 3.2 Đặc điểm, tính chất của dầu có nguy cơ tràn**
- 3.3 Diễn biến của dầu tràn và các tác động của sự cố tràn dầu (đánh giá khả năng tác động (*đặc biệt là tác động lên khu vực ưu tiên bảo vệ*) và phạm vi ảnh hưởng về mặt không gian và thời gian trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu với các tình huống, sự cố điển hình: tình huống lượng dầu tràn lớn nhất và tình huống có khả năng gây tác động lớn nhất).**
- 3.4 Kết luận (đưa ra được chiến lược ứng phó đối với các khả năng sự cố xảy ra làm cơ sở xây dựng Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và nguồn lực).**

CHƯƠNG IV

NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

4.1 Nguồn lực của cơ sở

- Thống kê trang thiết bị và lực lượng ứng phó của cơ sở có

- Đánh giá khả năng ứng phó nhanh (*bao lâu*) đối với sự cố tràn dầu (*bao nhiêu mét khối dầu loại nào*); các biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại cơ sở (*đưa ra được đánh giá về rủi ro còn lại nhằm đưa ra được Kế hoạch ứng phó hợp lý*)).

4.1.1 Tổ chức lực lượng (sơ đồ tổ chức/ phân công nhiệm vụ cho từng người có trách nhiệm trong việc ứng phó sự cố)

4.1.2 Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và nguồn lực (hiện trạng trang thiết bị và lực lượng đã có hoặc kế hoạch đầu tư trang thiết bị; danh sách đội ứng phó sự cố tràn dầu (*trình độ được huấn luyện/ kinh nghiệm*), tên và trình độ của Chỉ huy hiện trường,... (*có chi tiết đính kèm vào phần Phụ lục*)).

4.1.3 Cam kết đảm bảo tài chính

4.2 Nguồn lực bên ngoài

4.2.1 Hợp đồng với đơn vị ứng phó sự cố tràn dầu chuyên nghiệp

4.2.2 Nguồn lực phối hợp hiệp đồng giữa các cơ sở

4.2.3 Nguồn lực hỗ trợ từ cơ quan quản lý

CHƯƠNG V

QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

5.1 Quy trình thông báo, báo động (thực hiện theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

- Thông báo trong nội bộ

- Thông báo đến cơ quan quản lý có liên quan

- Thông báo đến khu vực lân cận

- Thông báo đến lực lượng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu bên ngoài

5.2 Quy trình ứng phó

B1. Thông báo, báo động

B2. Huy động Ban chỉ huy và lực lượng ứng phó khẩn cấp của cơ sở và lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài (nếu có)

B3. Triển khai ứng phó tại hiện trường (ưu tiên công tác xử lý nguồn tràn)

2. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU CẤP CƠ SỞ

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ CƠ SỞ

1.1 Thông tin chung về cơ sở (chủ cơ sở, địa chỉ và phương tiện liên hệ với chủ cơ sở; họ tên và chức danh của người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở; vị trí địa lý cơ sở, đối tượng xung quanh có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu do cơ sở gây ra)

1.2 Thông tin về hoạt động kinh doanh của cơ sở

1.3 Quy mô, tổng sức chứa của cơ sở; mô tả các công trình, tiêu chuẩn thiết kế, chế tạo

1.4 Hoạt động lưu giữ, bốc dỡ hàng hóa sản phẩm dầu mỏ.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ NGUỒN TIỀM ẨN GÂY RA SỰ CỐ TRÀN DẦU

2.1 Nguồn tiềm ẩn gây sự cố tràn dầu (nêu các hoạt động của cơ sở liên quan tới dầu như lưu giữ, quá trình bốc dỡ hàng hóa sản phẩm dầu, từ đó đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn).

2.2 Đặc điểm, tính chất của dầu có nguy cơ tràn

2.3 Mô tả các diễn biến của dầu tràn nếu có sự cố xảy ra và các tác động của sự cố tràn dầu đến môi trường

2.4 Kết luận (đưa ra được biện pháp và phương án ứng phó đối với các khả năng sự cố xảy ra làm cơ sở xây dựng Kế hoạch đầu tư trang thiết bị và nguồn lực).

CHƯƠNG III

NGUỒN LỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU

3.1 Nguồn lực của cơ sở

- Thống kê trang thiết bị và lực lượng ứng phó của cơ sở có
- Đánh giá khả năng ứng phó nhanh (*bao lâu*) đối với sự cố tràn dầu (*bao nhiêu mét khối dầu loại nào*); các biện pháp phòng ngừa đang áp dụng tại cơ sở (*đưa ra được đánh giá về rủi ro còn lại nhằm đưa ra được Kế hoạch ứng phó hợp lý*).

- Cam kết đảm bảo tài chính

3.2 Nguồn lực bên ngoài: Trường hợp sự cố tràn dầu xảy ra vượt khả năng ứng phó của cơ sở thì phải được sự hỗ trợ ứng cứu từ nguồn lực bên ngoài

gồm những đơn vị nào (thể hiện qua cam kết hoặc thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên)

CHƯƠNG IV

QUY TRÌNH ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU

4.1 Quy trình thông báo, báo động (thực hiện theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

- Thông báo trong nội bộ
- Thông báo đến cơ quan quản lý có liên quan
- Thông báo đến khu vực lân cận
- Thông báo đến lực lượng hỗ trợ ứng phó sự cố tràn dầu bên ngoài

4.2 Quy trình ứng phó

B1. Thông báo, báo động

B2. Huy động Ban chỉ huy và lực lượng ứng phó khẩn cấp của cơ sở và lực lượng hỗ trợ từ bên ngoài (nếu có)

B3. Triển khai ứng phó tại hiện trường (ưu tiên công tác xử lý nguồn tràn)

B4. Tổ chức các hoạt động liên quan: hậu cần, quản lý chất thải, báo cáo, bồi thường thiệt hại...

B5a. Kết thúc ứng phó (nêu rõ người chịu trách nhiệm ra quyết định kết thúc ứng phó và tiêu chí sử dụng khi đưa ra quyết định này)

B5b. Báo cáo cơ quan chức năng đề yêu cầu hỗ trợ trong trường hợp sự cố xảy ra vượt quá khả năng của cơ sở.

4.3 Danh sách liên lạc

4.3.1 Danh sách liên lạc nội bộ

4.3.2 Danh sách liên lạc bên ngoài.

CHƯƠNG V

CẬP NHẬT VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đã được cơ quan chức năng phê duyệt trong phạm vi hoạt động của mình. Hàng năm cập nhật các nội dung của kế hoạch báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu về cơ quan tài nguyên và môi trường cấp huyện để theo dõi, quản lý Và phối hợp khi cần thiết.

KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ